TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2026/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lò Thị C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B có 02 con chung chưa thành niên là cháu Bùi Quang V, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Bùi Anh T, sinh

ngày 11/10/2014. Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B thống nhất, thỏa thuận sau khi ly hôn:

Chị Lò Thị C sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chưa thành niên là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 11/10/2014 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Còn anh Bùi Văn B sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Bùi Quang V, sinh ngày 15/12/2012 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, trừ việc lợi dụng việc thăm nom con gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con cung: Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chia tài sản: Tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Lò Thị C và anh Bùi Văn B mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lò Thị C tự nguyện nộp toàn bộ án phí của vụ án bao gồm cả phần án phí mà anh Bùi Văn B phải chịu, anh Bùi Văn B nhất trí. Tổng cộng chị Lò Thị C phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình.

Xác nhận chị Lò Thị C đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000123, ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho chị Lò Thị C số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 4 – Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 4 - Lai Châu;
- UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu.
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Đồng Văn Dũng